

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2022/HS-ST**

Ngày: 15-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sùng A Xà.

Ông Lê Quang Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/HSST-QĐ, ngày 02/11/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Không), sinh năm 1977, tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Tổ X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ cầm đồ; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949; bị cáo có vợ là Dương Phương M, sinh năm 1981 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07/4/2004 bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 tháng về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ;

Bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/7/2022 đến ngày 15/7/2022 tại trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên; Ngày 15/7/2022 bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Dương Phương M, sinh năm: 1981; địa chỉ: Tổ X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

- Bà Lò Thị Nhung, sinh năm: 1992; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- Ông Lò Văn Kiên, sinh năm: 1989; địa chỉ: Bản Nà Luông, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- Bà Lò Bảo Trang, sinh năm: 1990; địa chỉ: Bản Co Muông, xã Mường Đăng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/7/2020, tại nhà của Nguyễn Văn H ở tổ dân phố 7, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên, H đã cho chị Lò Thị Nhung vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Trong thời gian vay từ ngày 16/7/2020 đến ngày 31/8/2020 (47 ngày), H đã thu của chị Nhung số tiền lãi là 1.410.000 đồng, theo quy định của Bộ luật Dân sự H chỉ được thu số tiền lãi tối đa là 257.534 đồng. Ngày 12/8/2020, bị cáo H tiếp tục cho chị Nhung vay thêm 20.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Trong thời gian từ ngày 13/8/2020 đến ngày 31/8/2020 (19 ngày), H thu của chị Nhung số tiền lãi là 1.140.000 đồng, theo quy định của Bộ luật Dân sự H chỉ được thu của chị Nhung số tiền lãi tối đa là 208.219 đồng. Bắt đầu từ ngày 01/9/2020, H và chị Nhung thống nhất gộp hai khoản vay thành 30.000.000 đồng và tính lãi suất theo tháng là 2.700.000 đồng/1 tháng. Chị Nhung đã trả lãi cho khoản vay này đến hết 30/6/2022 (22 tháng) với số tiền lãi là 59.400.000 đồng, theo quy định của Bộ luật Dân sự H chỉ được thu của chị Nhung tiền lãi tối đa là 11.000.000 đồng. Chị Nhung cũng đã trả cho H 10.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, từ ngày 15/7/2020 đến ngày 30/6/2022, theo quy định của Bộ luật Dân sự, H chỉ được thu tiền lãi là 11.465.753 đồng, H đã thu tiền lãi của chị Nhung tổng cộng là 61.950.000 đồng, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất quy định, thu lợi bất chính số tiền 50.484.247 đồng.

Ngày 12/9/2021, tại nhà mình, H cho chị Lò Bảo Trang vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, từ ngày 12/9/2021 đến ngày 30/9/2021 (18 ngày), H đã thu của chị Trang số tiền lãi là 1.080.000 đồng, theo quy định của Bộ luật Dân sự, H chỉ được thu của chị Trang số tiền lãi tối đa là 197.260 đồng. Từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/6/2022 (9 tháng), H tính lãi với chị Trang là 1.800.000 đồng/1 tháng, đã thu của chị Trang số tiền là 16.200.000 đồng, theo quy định của Bộ luật Dân sự, H chỉ được thu 3.000.000 đồng. Như vậy từ ngày 12/9/2021 đến ngày 30/6/2022, theo quy định của Bộ luật Dân sự thì H chỉ được thu của chị Trang số tiền lãi tối đa là 3.197.260 đồng, H đã thu tiền lãi của chị Nhung tổng cộng là 17.280.000 đồng, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất quy định, thu lợi bất chính số tiền là 14.082.740 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 985/KL-KTHS ngày 11/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận:

- Chữ viết phần nội dung, chữ viết, chữ ký đứng tên Lò Thị Nhung trên các tài liệu cần giám định, ký hiệu từ A1 đến A3 với chữ viết, chữ ký đứng tên Lò Thị Nhung trên bản tự khai ký hiệu M2 là do cùng một người viết, ký ra.

- Chữ viết, chữ ký đúng tên Nguyễn Văn H trên các tài liệu cần giám định, ký hiệu từ A2, A3 với chữ viết, chữ ký đúng tên Nguyễn Văn H trên bản tự khai ký hiệu M1 là do cùng một người viết, ký ra.

Bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-P2 ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 201, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 150 triệu đồng đến 180 triệu đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 3 Điều 201/BLHS phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn H: Cấm hành nghề hoạt động cho vay, cầm đồ trong thời gian từ 3 năm đến 4 năm.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải trả lại cho chị Lò Thị Nhung số tiền 50.484.247 đồng (*năm mươi triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*) và trả lại cho chị Lò Bảo Trang số tiền 14.082.740 đồng (*mười bốn triệu không trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và Luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận gì đối với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng của bị cáo: từ khi bị bắt cho đến nay bị cáo mới biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo làm nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ giữa người vay và bị cáo tự nguyện thỏa thuận tiền lãi không ai ép buộc ai, bị cáo không biết được hậu quả xảy ra như ngày hôm nay, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến số tiền mà bị cáo dùng để cho vay lãi nặng và không có đề nghị nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/7/2020 đến ngày 30/6/2022, tại nhà của mình ở tổ dân phố 7, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên, Nguyễn Văn H đã có hành vi cho chị Lò Thị Nhung vay số tiền 30.000.000 đồng và cho chị Lò Bảo Trang vay số tiền 20.000.000 đồng, với mức lãi suất 108%/năm của khoản tiền vay (vượt gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015), Nguyễn Văn H đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 64.566.987 đồng.

Hành vi cho vay tiền nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn H đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự:

“Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cáo trạng số 10/CT-VKS-P2 ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự thì vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và truy tố xét thấy vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, khó đánh giá, thống nhất về tính chất vụ án nên cơ quan điều tra Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh lấy lên để điều tra, truy tố và đề nghị xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Từ hành vi cho vay lãi nặng có thể làm phát sinh ra nhiều loại tội phạm khác như: cưỡng đoạt tài sản, gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích,... Do đó, cần thiết phải xử lý bị cáo nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng răn đe đối với loại tội phạm này.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi bị bắt bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặc dù bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, hậu quả gây ra cho xã hội không lớn, nhưng không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì năm 2004 bị cáo đã bị Tòa án tuyên phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo (bị cáo đã được xóa án tích).

Xét về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Ngày 07/4/2004, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Mặc dù biết việc pháp luật nghiêm cấm cho vay lãi nặng, nhưng vì muốn kiếm lời bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, khi xem xét quyết định hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với bị cáo cũng cần phải xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhân thân, lời khai của bị cáo, những người liên quan để quyết định hình phạt cho phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; thể hiện tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật; vừa để trừng trị, giáo dục; vừa có tác dụng trong việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 triệu đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 03 năm*”.

Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích kiếm lời bất chính, nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền để đảm bảo tính nghiêm minh và làm bài học cho những người khác.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 bị cáo dùng vào việc liên lạc và gửi số tài khoản để Lò Thị Nhung chuyển tiền trả cho bị cáo cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ Đối với các loại giấy tờ có liên quan đến việc cho vay lãi nặng không còn giá trị pháp lý cần tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 hợp đồng thuê vay tài chính đề ngày 12/9/2021 có chữ ký của đại diện bên B là Lò Bảo Trang (bản gốc).

- 01 giấy cam kết trả nợ đề ngày 04/7/2022 bên cho vay Nguyễn Văn H, bên cam kết Lò Thị Nhung và Lò Văn Kiên (bản gốc).

- 01 hợp đồng thuê vay tài chính ghi ngày 15/7/2020 bên vay Lò Thị Nhung (bản gốc).

- 01 giấy nộp tiền đề ngày 12/8/2020 khách hàng nộp Nguyễn Văn H, khách hàng nhận tiền Lò Thị Nhung (bản gốc).

- 01 giấy, mặt số 1 ghi vay tiền ngày 11/01/2022 người cho vay Nguyễn Văn H, người vay Lò Thị Nhung, người làm chứng Lò Văn Chung, mặt số 4 hẹn chốt nợ và cam kết ngày 01/7/2022 (bản gốc).

+ Đối với các loại giấy tờ dùng để thế chấp vay tiền của Nguyễn văn H cần trả lại cho chị Lò Bảo Trang gồm:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của chị Lò Bảo Trang, năm sinh 1990, CMND số 040389568, sổ vào sổ cấp GCN: CH00953, ngày 07/12/2017, kèm 01 trang bổ sung giấy chứng nhận (bản gốc).

- 01 sổ hộ khẩu, 01 bản phô tô giấy CMND mang tên Lò Bảo Trang.

+ Đối với các giấy tờ, tài liệu, tài sản cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên thu giữ không liên quan đến vụ án này, cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H gồm: Từ số thứ tự 8 đến số thứ tự 39 trong biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 04/10/2022 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon 7 Plus số sê ri FCDX426RHG03, số IMEI 359470085234260, trong điện thoại có lắp sim.

+ Đối với số tiền gốc tổng là 50.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Văn H sử dụng để cho vay lãi nặng cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Trong đó, H cho chị Lò Thị Nhung vay 30 triệu đồng (chị Nhung đã trả cho Nguyễn Văn H 10.000.000đ) còn nợ lại 20.000.000đ tiền gốc; cho chị Lò Bảo Trang vay 20.000.000đ (chưa trả tiền gốc). Do vậy, cần phải buộc Nguyễn Văn H nộp 10.000.000đ, chị Lò Thị Nhung nộp 20.000.000đ, Lò Bảo Trang nộp 20.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền 14.663.013 đồng do chị Lò Thị Nhung và chị Lò Bảo Trang đã trả cho bị cáo Nguyễn Văn H được thu tối đa tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nhưng số tiền lãi này nằm trong số tiền lãi mà bị cáo cho chị Nhung và chị Trang vay lãi nặng nhằm mục đích thu lời bất chính, nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Trong quá trình điều tra vụ án cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên ban hành Lệnh phong tỏa số tiền 50.500.000đ (*năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng*) có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trong tài khoản số 8916919991999 của Nguyễn Văn H tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên là cần thiết và đúng quy định của pháp

luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tiếp tục phong tỏa số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 64.566.987 đồng (*Sáu mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng*) với mức lãi suất 108%/năm của các khoản tiền vay (vượt gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Hội đồng xét xử thấy rằng đây là số tiền của chị Lò Thị Nhung và chị Lò Bảo Trang đã trả tiền lãi vay cho bị cáo; do vậy, cần buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải hoàn trả lại số tiền đó cho chị Lò Thị Nhung và chị Lò Bảo Trang.

[8] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn H** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

2.1. Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ**, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ (09 ngày tạm giữ x 3 = 27 ngày cải tạo không giam giữ), buộc bị cáo Nguyễn Văn H còn phải chấp hành tiếp là **11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ**.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

2.2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

3.1. Tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 có số sê ri C6KSJLBGHG7F, số IMEI 359212078183991, trong điện thoại có lắp sim.

3.2. Tuyên tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 (một) hợp đồng thuê vay tài chính đề ngày 12/9/2021 có chữ ký của đại diện bên B là Lò Bảo Trang (bản gốc).

- 01 (một) giấy cam kết trả nợ đề ngày 04/7/2022 bên cho vay Nguyễn Văn H, bên cam kết Lò Thị Nhung và Lò Văn Kiên (bản gốc).

- 01 (một) hợp đồng thuê vay tài chính ghi ngày 15/7/2020 bên vay Lò Thị Nhung (bản gốc).

- 01 (một) giấy mặt số 1 ghi vay tiền ngày 11/01/2022 người cho vay Nguyễn Văn H, người vay Lò Thị Nhung, người làm chứng Lò Văn Chung, mặt số 4 hện chốt nợ và cam kết ngày 01/7/2022 (bản gốc).

- 01 (một) giấy nộp tiền đề ngày 12/8/2020 khách hàng nộp Nguyễn Văn H, khách hàng nhận tiền Lò Thị Nhung (bản gốc).

3.3. Trả lại cho chị Lò Bảo Trang các loại giấy tờ gồm:

- 01 (một) sổ hộ khẩu, 01 bản phô tô giấy CMND mang tên Lò Bảo Trang.

- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của chị Lò Bảo Trang, năm sinh 1990, CMND số 040389568, số vào sổ cấp GCN: CH00953, ngày 07/12/2017, kèm 01 trang bổ sung giấy chứng nhận (bản gốc).

3.4. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H gồm: Các loại đồ vật, giấy tờ, tài liệu từ số thứ tự 8 đến số thứ tự 39 theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 04/10/2022 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus số sê ri FCDX426RHG03, số IMEI 359470085234260, trong điện thoại có lắp sim.

3.5. Tuyên tịch thu 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng của bị cáo Nguyễn Văn H dùng vào việc cho vay lãi nặng **và 14.663.013 (mười bốn triệu không trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng)** tiền lãi do bị cáo đã thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để sung vào ngân sách nhà nước **cụ thể:**

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp **24.663.013 (hai mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười ba đồng)** để sung ngân sách nhà nước. Trong đó: 10.000.000 đồng (Lò Thị Nhung đã trả) là số tiền gốc mà bị cáo dùng vào việc cho vay lãi nặng; 14.663.013 đồng là tiền lãi do chị Lò Thị Nhung và chị Lò Bảo Trang đã trả cho bị cáo Nguyễn Văn H.

- Buộc chị Lò Thị Nhung phải nộp **20.000.000 (hai mươi triệu) đồng** tiền đã vay của Nguyễn Văn H (chưa trả) để sung ngân sách nhà nước.

- Buộc chị Lò Bảo Trang phải nộp **20.000.000 (hai mươi triệu) đồng** tiền đã vay của Nguyễn Văn H (chưa trả) để sung ngân sách nhà nước.

Chị Lò Thị Nhung và chị Lò Bảo Trang không phải trả nợ cho bị cáo Nguyễn Văn H số tiền vay trên theo giấy vay nợ giữa các bên đã ký kết.

3.6. Áp dụng Điều 129 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 126 Bộ luật tố tụng dân sự: Tiếp tục phong tỏa số tiền 50.500.000 (năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng) trong tài khoản số 8916919991999 của Nguyễn Văn H tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên để đảm bảo thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 280 và Điều 357 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải trả lại cho:

- Chị Lò Thị Nhung số tiền 50.484.247 đồng (*năm mươi triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*)

- Chị Lò Bảo Trang số tiền 14.082.740 đồng (*mười bốn triệu không trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*).

Kể từ ngày những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Văn H chậm trả tiền thì bị cáo Nguyễn Văn H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468; nếu các bên không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/11/2022).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HC, Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Văn Khanh

